

PHỤ LỤC I
MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC
THƯỜNG XUYÊN¹

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên trường: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG

2. Địa chỉ trụ sở, số điện thoại, trang thông tin điện tử

- Địa chỉ: ấp Đông Thành, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

- Số điện thoại: 0663758070

- Website: <http://thpt-tandong-tayninh.violet.vn>.

- Email: C3tandong.tayninh@moet.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục:

- Trường THPT Tân Đông là đơn vị sự nghiệp công lập.

- Cơ quan chủ quản: Sở GDĐT Tây Ninh

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

- Trong định hướng phát triển, nhà trường xác định sứ mệnh “*Tạo dựng môi trường học tập an toàn, nền nếp, giàu chất nhân văn, uy tín về chất lượng giáo dục, phát huy năng lực và tư duy sáng tạo, mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển*”;

- Với tầm nhìn “*Là một ngôi trường mà học sinh sẽ ưu tiên lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới thành công*”.

- Mục tiêu của cơ sở giáo dục:

+ Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại. Hoàn thành mục tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia năm 2026.

+ Giáo dục và giảng dạy cho học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông; biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo; biết cách học và tự học; có ý thức tự giác, thật thà, thân thiện, hoà nhập và chia sẻ; có phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.

5. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị

Trường THPT Tân Đông được thành lập theo Quyết định số 97/QĐ-UBND, ngày 27/7/2006 của UBND tỉnh Tây Ninh. Trường đóng trên địa bàn ấp Đông Thành, xã Tân Đông, Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Nhà trường thực hiện chức năng giảng dạy học sinh bậc trung học phổ thông cho địa bàn 5 xã chính là : Tân Đông, Tân Hà, Tân Hội, Tân Hòa, Suối Ngô và các xã lân cận khác. Năm học đầu tiên trường tuyển 6 lớp 10 với 258 học sinh. Tập thể CB-GV-CNV gồm 12 người. Cơ sở vật chất chỉ có 6 phòng học lầu, điều kiện giảng dạy, học tập và sinh hoạt gặp rất nhiều khó khăn. Hiện nay, trường có 20 lớp, đủ 3 khối với trên 800 học sinh. Tập thể CBVC có 41 người, 100% giáo viên đạt chuẩn. Cơ sở vật chất của trường đang được đầu tư xây dựng ngày càng khang trang. Nhà trường hiện có tổng cộng 45 phòng, trong đó: 13 phòng hành chính, 22 phòng học, 2 phòng dạy ứng dụng CNTT, 6 phòng thực hành - thí nghiệm, 1 Thư viện và 1 phòng đọc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Lê Minh Quốc.
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0913960551
- Email: C3tandong.tayninh@moet.edu.vn

7. Về tổ chức bộ máy:

7.1 Quyết định thành lập trường: Quyết định số 97/QĐ-UBND, ngày 27/7/2006 của UBND tỉnh Tây Ninh.

7.2 Quyết định thành lập Hội đồng trường: Quyết định số 767/QĐ-SGDĐT ngày 08/3/2022 của Sở GDĐT Tây Ninh V/v Công nhận thành viên Hội đồng trường (có phụ lục 1 kèm theo)

7.3 Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường: Quyết định số 78/QĐ-THPT ngày 21/10/2024 của Hiệu trưởng trường THPT Tân Đông V/v Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động, phân công nhiệm vụ các tổ chức, bộ phận thành viên trường THPT Tân Đông (Có phụ lục 2 kèm theo)

7.4 Đội ngũ lãnh đạo đơn vị

a. Hiệu trưởng: Lê Minh Quốc Số điện thoại: 0913960551

- Địa chỉ nơi làm việc: trường THPT Tân Đông, ấp Đông Thành, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Nhiệm vụ: quản lý chung, phụ trách công tác tổ chức cán bộ, tài chính, CSVC, công tác đoàn thể.

b. P.hiệu trưởng: Trần Thanh Bình Số điện thoại: 0986393044

- Địa chỉ nơi làm việc: trường THPT Tân Đông, ấp Đông Thành, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Nhiệm vụ: phụ trách quản lý chuyên môn, hoạt động NGLL, trải nghiệm, công tác khảo thí

8. Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của đơn vị

8.1 Quy chế dân chủ cơ sở: Quyết định số 75/QĐ-THPT ngày 21/10/2024 của Hiệu trưởng trường THPT Tân Đông V/v Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của đơn vị năm học 2024-2025 (Có phụ lục 3 kèm theo)

8.2 Bộ quy tắc ứng xử trong cơ quan: Quyết định số 113/QĐ-THPT ngày 09/9/2021 của Hiệu trưởng trường THPT Tân Đông V/v ban hành quy định quy tắc ứng xử văn hoá trong trường học từ năm học 2021-2022 trở đi. (Có phụ lục 4 kèm theo)

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thống kê đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm và trình độ

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ CMNV					Năm trước liền kề
			Th.sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I. Vị trí việc làm chuyên ngành		33	7	26				32
1	Toán	6	3	4				5
2	Vật Lý	3	1	2				3
3	Hóa học	2		2				2
4	Sinh học	2	2					2
5	Ngữ văn	5		5				5
6	Lịch sử	1		1				2
7	Địa lý	2		2				2
8	GDKT&PL	2		2				2
9	Tiếng anh	3		3				3
10	Công nghệ	0						
11	GDTC	4		4				3
12	GDQPVAN	1		1				1
13	Tin học	2	1	1				2
II. Vị trí lãnh đạo, quản lý		02						
1	Hiệu trưởng	1		1				
2	P.hiệu trưởng	1		1				
III. Vị trí việc làm NVCM dùng chung		03						
1	Nhân viên Thư viện	1			1			
2	Kế toán	1		1				
3	Y tế	1				1		
IV. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ		03						
1	Nhân viên phục vụ	1					1	1
2	Nhân viên bảo vệ	2					1	2
Tổng cộng:								

2. Thống kê số lượng giáo viên, đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

TT	Vị trí việc làm	Mức đạt chuẩn năm 2024				Mức đạt chuẩn năm 2023			
		Tốt	Khá	TB	CD	Tốt	Khá	TB	CD

1.	CBQL		02 (100%)				01 (50%)	01 (50%)	
2.	Giáo viên	1 (3.1%)	31 (96.8%)				32 (100%)		
Cộng:		1 (2.94%)	33 (97.05%)				33 (97.05%)	01 (2.94%)	

3. Thống kê số lượng, tỷ lệ giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

TT	Vị trí việc làm	Số lượng	Kết quả bồi dưỡng năm 2024				Kết quả bồi dưỡng năm 2023			
			Đã hoàn thành		Chưa hoàn thành		Đã hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1.	CBQL	02	02	100%						
2.	Giáo viên	33	33	100%						
3.	Nhân viên	03	03	100%						
Cộng:		38	38	100%						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Về cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Năm trước
I	Số phòng học	24	Số m ² /học sinh	
II	Loại phòng học		-	
1	Phòng học kiên cố	24	1.18	1.27
2	Phòng học bán kiên cố		-	-
3	Phòng học tạm		-	-
4	Phòng học nhờ		-	-
5	Số phòng học bộ môn	6	1.6	1.6
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	-	-	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-	
8	Bình quân học sinh/lớp	20 lớp	40.3	40.35
III	Số điểm trường	1	-	1
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9742.2	12.07	12.9
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)			
VI	Tổng diện tích các phòng			
1	Diện tích phòng học (m ²)	960	1,18	1.27
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	438	0.54	0.58

3	Diện tích thư viện (m ²)	72	0.08	0.09
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0	0
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	96	0.11	0.12
6	Phòng khác			
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định			
1.1	Khối lớp 10			
1.2	Khối lớp 11			
1.3	Khối lớp 12			
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định			
2.1	Khối lớp...			
2.2	Khối lớp...			
2.3	Khối lớp...			
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)			
4	Khu tập thể dục đa năng			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi; màn hình LCD và màn hình cảm ứng	22	1.1	0.44
2	Màn điện tử và máy chiếu đa năng	6	0.3	0.31
3	Cát xét	0	0	0
4	Máy vi tính, máy in (thư viện)	1	1	1
5	Máy in khảo thí	1	1	1
6	Máy tính (chuyên môn và quản lý)	5	5	5
7	Máy in (quản lý)	5	5	5
8	Máy lạnh (phòng vi tính, hội đồng và phòng họp, phòng Hiệu trưởng)	11		10
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi (LCD)	16	0.8	13
2	Bảng tương tác thông minh	6	0.3	

3	Đầu Video/đầu đĩa					
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		5	0.25	0.26	
5	Máy tính xách tay		9	0.45	0.47	
6	Hệ thống loa nội bộ không dây		0			
7	Loa, ampli phòng hội trường cố định, phòng lab		1		1	
8	Hệ thống loa nội bộ các phòng học		1		1	
9	Máy photocopy					
10	Máy fax					
11	Máy scan		2		2	
11	Máy quay phim KTS		0	0	0	
	Nội dung	Số lượng (m ²)				
X	Nhà bếp	Không				
XI	Nhà ăn	Không				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú					
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x	0,14	0.14
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
	Nội dung		Có	Không		
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x			
XVII	Kết nối internet		x			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		x			
XIX	Tường rào xây		x			

2. Danh mục sách giáo khoa đang sử dụng được cấp thẩm quyền phê duyệt

TT	Khối	NXB Cánh Diều	NXB CTST	NXB KNTT
1	10	Văn, Sử, Địa, GDKTPL, Tin học,	Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học	

		Công nghệ, GDQPAN, HĐHNTN		
2	11	Văn, Sử, Địa, GDKTPL, Tin học, Công nghệ, GDQPAN, HĐHNTN	Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học	
3	12	Văn, Sử, Địa, Tin học, GDKTPL	Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học	Công nghệ, GDQPAN, HĐTNHN
4	10,11,12	Môn tiếng anh: sử dụng sách Global Saccess		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Năm học 2018 trường được Sở GDĐT công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động của năm học 2024-2025

a) Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025: Thực hiện theo Công văn 1854/SGDDĐT-KT, ngày 12/4/2024 của Sở GDĐT Tây Ninh Về việc hướng dẫn tổ chức tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025

- **Về đối tượng tuyển sinh:** Là học sinh, học viên (người học) đã tốt nghiệp THCS theo chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên, có độ tuổi được quy định theo Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học

- Nguyên tắc tuyển sinh

+ Các trường trung học phổ thông công lập không chuyên thực hiện tuyển sinh theo phương thức thi tuyển kết hợp xét tuyển.

+ Thí sinh dự tuyển phải dự thi đầy đủ 03 môn gồm: Ngữ văn (120 phút, hệ số 1, tự luận); Toán (120 phút, hệ số 1, tự luận) và Tiếng Anh (60 phút, hệ số 1, trắc nghiệm).

+ Công thức tính điểm xét tuyển: ((Ngữ văn (hệ số 1) + Toán (hệ số 1) + Tiếng Anh (hệ số 1)) x 70%) + ((Điểm bình quân trung bình cả năm ở 04 lớp cấp THCS) x 30%) + Điểm ưu tiên (nếu có).

+ Chỉ xét tuyển đối với thí sinh đã thi đủ các bài thi quy định, không vi phạm Quy chế trong kỳ thi tuyển sinh và các bài thi Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh *đều đạt từ 1,0 điểm trở lên* theo nguyên tắc điểm xét tuyển cao xếp trước, điểm xét tuyển thấp xếp sau. Trường hợp thí sinh có đồng điểm xét tuyển sẽ được tính đến điểm trung bình cả năm của lớp 9 theo thứ tự điểm cao xếp trước, điểm thấp xếp sau.

Thí sinh được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng vào trường THPT công lập, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất. Hệ thống Quản lý tuyển sinh sẽ xét tuyển theo thứ tự: nguyện vọng 1 của thí sinh được xét trước tiên; nếu không trúng tuyển nguyện vọng 1, thí sinh được tiếp tục xét đến nguyện vọng 2; nếu nguyện vọng 2 không trúng tuyển sẽ tiếp tục xét đến nguyện vọng 3 (nguyện vọng cuối cùng). Thí sinh đã trúng tuyển ở nguyện vọng 1 không được xét ở nguyện vọng 2, 3; thí sinh trúng tuyển nguyện vọng 2 không được xét tiếp ở nguyện vọng 3.

Thí sinh không trúng tuyển ở cả 03 nguyện vọng được tham gia dự xét tuyển ở các trường phổ thông tư thục hoặc tại các trung tâm GDNN-GDTX hoặc có thể đăng ký nhập học tại các trường trung cấp, cao đẳng nghề, ...

- Chỉ tiêu tuyển sinh: năm học 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 1724 /QĐ-SGDĐT ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Đơn vị	Số lớp	Số học sinh tuyển mới	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
VI	Huyện Tân Châu			
3	Trường THPT Tân Đông	7	305	Kết hợp giữa thi và xét tuyển (chỉ tiêu tuyển bằng với số chỉ tiêu giao năm học 2023-2024)

- Các mốc thời gian lưu ý

- + Ngày 12/5/2024: Hạn chót hoàn thành xét công nhận tốt nghiệp THCS.
- + Từ ngày 13/5/2024 đến 16 giờ 00 ngày 17/5/2024: Tổ chức cho học sinh đăng ký dự tuyển và nộp hồ sơ tuyển thẳng vào lớp 10 THPT (nếu có).
- + Từ ngày 18/5/2024 đến 16 giờ 00 ngày 19/5/2024: Thí sinh điều chỉnh nguyện vọng.
- + Ngày 21/5/2024: Tổ chức kiểm tra chéo hồ sơ đăng ký dự thi tuyển sinh; thông báo những trường hợp không đủ điều kiện dự thi.
- + Ngày 22/5/2024: Công bố kết quả tuyển thẳng.
- + Ngày 03/6/2024 và 04/6/2024:

Ngày thi	Buổi thi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi	Giờ bắt đầu làm bài	Ghi chú
03/6/2024	SÁNG	NGŨ VĂN (không chuyên)	120 phút	07 giờ 05	07 giờ 10	
		TIẾNG ANH (không chuyên)	60 phút	10 giờ 20	10 giờ 30	
	CHIỀU	TOÁN (không chuyên)	120 phút	14 giờ 15	14 giờ 20	

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường; công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh; Các chương trình hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh tại đơn vị

Nhà trường đảm bảo xây dựng kế hoạch giáo dục theo đúng hướng dẫn của ngành.

Hàng năm, BGH làm tốt công tác phối kết hợp với Ban đại diện CMHS trong công tác tổ chức Đại hội CMHS, phối kết hợp trong công tác quản lý nề nếp, chuyên cần và xử lý kỷ luật học sinh.

BCH Đoàn xây dựng các kế hoạch giáo dục đạo đức, hoạt động ngoại khoá nhằm giáo dục cho học sinh có lý tưởng, ước mơ, hoài bão, biết học tập và rèn luyện đạo đức tác phong trong quá trình sinh hoạt và học tập tại trường. Nhà trường đã tích cực vận động các đơn vị kinh tế, các mạnh thường quân, các bậc CMHS và cán bộ, viên chức trong đơn vị tích cực hưởng ứng xây dựng quỹ khuyến học nhằm kịp thời động viên, khích lệ học sinh đạt thành tích trong học tập và đạt kết quả qua các hội thi, cấp phát nhiều suất học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, biết vươn lên trong học tập.

CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG NĂM HỌC 2024 – 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	297/7 lớp	273/ 7 lớp	236/ 6 lớp
		- HS tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10 thuộc địa bàn các xã của huyện Tân Châu và các địa bàn khác trong tỉnh Tây Ninh - Tham gia thi tuyển vào lớp 10 THPT theo quy định của Sở GDĐT Tây Ninh và được Giám đốc	- HS sinh sống thuộc địa bàn các xã của huyện Tân Châu - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.	- HS sinh sống thuộc địa bàn các xã của huyện Tân Châu. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ

		Sở GDĐT phê duyệt danh sách trúng tuyển.	hồ sơ theo quy định.
II	Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường	- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018¹ (CT GDPT 2018), gồm 35 tuần thực học và thời gian còn lại dành cho tổ chức các hoạt động khác theo quy định (thực hiện theo Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 13/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh, đảm bảo thời gian khai giảng và bắt đầu hk1 ngày 05/9/2024 và kết thúc năm học ngày 24/5/2025. - Huy động nguồn lực, vật lực, thiết bị dạy học hiện có trong kế hoạch giáo dục của các môn học, hoạt động giáo dục; quan tâm xây dựng phân phối chương trình các môn học KHTN. Lịch sử, địa lý, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp phù hợp với tình hình thực tế để phát huy hiệu quả năng lực đội ngũ giáo viên của nhà trường. - Phân công giáo viên và xây dựng thời khóa biểu giữa các lớp đảm bảo tính khoa học; tổ chức tốt việc tư vấn cho CMHS và học sinh đăng ký, lựa chọn môn học, chuyên đề học tập bảo đảm công khai, minh bạch và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. - Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục; tích hợp giáo dục quyền con người; tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các nội dung giáo dục pháp luật về an toàn giao thông; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và đạo đức liêm chính; giáo dục bình đẳng giới; giáo dục chăm sóc mắt và phòng, chống mù lòa cho học sinh; giáo dục chủ quyền quốc gia và biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyển đổi và các nội dung lồng ghép khác. - Quan tâm đặc biệt đến các em học sinh khuyết tật; hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các em được học tập tốt nhất.	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban Đại diện CMHS đúng theo Thông tư hướng dẫn hiện hành. Ban Đại diện CMHS trường họp 3 lần/ năm và họp đột xuất khi có yêu cầu. Ban Đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định, định kỳ họp ở đầu năm, cuối hk1 và cả năm và họp đột xuất khi có đề nghị của 1 bên.	

¹ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020, Thông tư số 19/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022; Quyết định số 712/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Hàn và Tiếng Đức - Ngoại ngữ 1, hệ 10 năm thí điểm. Thông tư số 46/2020/TT- BGDĐT ngày 24/11/2020.

	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học và Nội quy của nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, tác phong và tinh thần, thái độ học tập		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Nhà trường đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế, thiết bị dạy học, dụng cụ thí nghiệm-thực hành; đảm bảo các phòng học bộ môn phục vụ cho thí nghiệm, thực hành; phần đầu trang bị mỗi lớp có 1 màn hình trình chiếu tại lớp học. - Phòng học được trang bị đầy đủ: bảng từ, đèn chiếu sáng, quạt, màn hình trình chiếu.....Trong năm, bổ sung thêm mỗi phòng 02 quạt áp tường để đảm bảo độ thoáng mát cho học sinh trong những tháng đầu năm. - Được trang bị cơ sở vật chất khá đầy đủ để phục vụ công tác dạy và học như bổ sung máy chiếu, màn hình cảm ứng, thiết bị TNTH ở các phòng học bộ môn.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Học sinh được tham gia hoạt động công tác Đoàn, Hội, các hoạt động NGLL, hướng nghiệp, trải nghiệm; hoạt động sinh hoạt truyền thống; các hoạt động xã hội, tự nguyện, hoạt động trải nghiệm..... - Được tham gia các phong trào hội thao, hội thi: văn hóa, văn nghệ -TĐTT cấp huyện, tỉnh. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động, khen thưởng từ các nguồn đóng góp quỹ Khuyến học của Ban Đại diện CMHS, kinh phí ngân sách cấp của nhà trường. - Được giao lưu học tập giữa các khối lớp trong nhà trường và giữa các trường trên địa bàn. - Tổ chức hoạt động NGLL, ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (20/11, 22/12, 8/3, 26/3, 19/5,...). - Xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, học sinh tích cực; cảnh quang môi trường sư phạm (xanh, sạch, đẹp). - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (học sinh giỏi, hội khỏe phù đổng,...).		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Học sinh có khả năng tiếp tục học lên lớp 11 hoặc có thể tham gia phân luồng học các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, Cao đẳng nghề	- Học sinh có khả năng tiếp tục học để hoàn thành chương trình lớp 12 hoặc có thể tham gia phân luồng học trung cấp, Cao đẳng nghề	- Sau khi tốt nghiệp học sinh đủ điều kiện học các trường Cao đẳng nghề hoặc xét tuyển, thi tuyển vào các trường CĐ, ĐH

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp
-----	----------	---------	-----------------------

			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Kết quả tuyển sinh vào lớp 10	291	291	-	-
II	Số học sinh bình quân/lớp				
-	Số học sinh chuyển đến	4			
-	Số học sinh chuyển đi	1			
III	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	753	283	253	217
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	674 (89.5%)	230 (81.27%)	232 (91.69%)	212 (97.69%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	77 (10,2%)	51 (18.02%)	21 (8.3)	5 (2.3%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	02 (0,26%)	02 (0.7%)	-	-
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
IV	Số học sinh chia theo học lực	753	283	253	217
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	120 (15.93%) NT: 10.76%	37 (13.07%) NT: 10.76%	43 (16.99%) NT: 8.98%	40 (18.4%) NT: 12.7%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	298 (39.57%) NT: 37.41%	98 (34.6%) NT: 29.51%	92 (36.36%) NT: 35.9%	108 (49.76%) NT: 45%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	289 (38.37%) NT: 38.08%	125 (44.16%) NT: 44.79%	96 (37.94%) NT: 42.18%	68 (31.3%) NT: 40.9%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	46 (6.1%) NT: 10.2%	23 (8.12%) NT: 14.9%	22 (8.69%) NT: 12.89%	01 (0.46%) NT: 1.36%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	753	283	253	217
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	708 (94.02%)	260 (91.87%)	231 (91.3%)	217 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	120 (15.9%)	37 (13.07%)	43 (16.99%)	40 (18.4%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	108 (14.34%)	-	-	108 (49.76%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	45 (5.97%)	23 (8.12%)	22 (8.69%)	-
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	32 (4.24%)	15 (5.3%)	17 (6.71%)	-
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Chuyển đến:4 Chuyển đi: 1			
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	25 (3.3%)	9 (3.18%)	16 (6.3%)	-

VI	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	3	0	1	2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
VII	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	217(100%)	0	0	217(100%)
VIII	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	216/217 (99,5%) NT: 95.7%	-	-	216/217 (99,5%) NT: 95.7%
IX	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng(tỷ lệ so với tổng số)	94	-	-	94 (chỉ tính trường Đại học và Cao đẳng ngành học Mầm non)
X	Số học sinh nam/số học sinh nữ	316/490			
XI	Số học sinh dân tộc thiểu số	17/11			
XII	Số học sinh khuyết tật	-	-	-	-

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2023

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu					
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Phí					
1.2	Lệ phí					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	1.917	1.917			
3	Thu sự nghiệp khác					
B	Chi từ nguồn thu được để lại	975	975		127	

1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1.1	Chi sự nghiệp.....					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	975	975		127	
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6.972	6.972	5.637		886
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>					
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>					

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	6.972	6.972	5.637		886
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.942	6.942	5.637		886
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	30	30			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					

9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)					
2	Chi Chương trình mục tiêu					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác y tế học đường, vệ sinh an toàn thực phẩm:

- Vận động CBGVNV và học sinh tích cực cài đặt phần mềm VneID
- TSHS tham gia BHYT: 774 em (100%), trong đó:
 - + Số học sinh tham gia mua BHYT: 752 em, với số tiền là 475.429.500đ
 - + BHYT diện Nhà nước cấp: 22 em.

2. Công tác dạy nghề phổ thông: Ở học kỳ 1 năm học 2023-2024, nhà trường chưa phối hợp với Trung tâm GDTX huyện để tổ chức cho học sinh học chứng chỉ nghề phổ thông. Đầu học kỳ 2, trường phân công GVBM tiến hành ôn tập cho học sinh khối 12 và phối hợp với TTGDNN-TX huyện tổ chức thi chứng chỉ nghề tin học cho học sinh. Kết quả, có 214/214 (100%) đạt (Giỏi: 208; khá: 05; TB: 01).

3. Công tác đoàn và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp:

- BCH Đoàn trường tổ chức các hoạt động thi đua chào mừng ngày 20/11 như: thi cắm hoa, làm tập san, văn nghệ.....thu hút hơn 750 đoàn viên, thanh niên tham dự, với kinh phí khen thưởng là 5.350.000đ (trích từ quỹ hỗ trợ hoạt động giáo dục NH 2023-2024).

- Tham gia Hội thi sáng tạo trẻ do Huyện đoàn tổ chức, kết quả đạt 01 giải khuyến khích được Huyện đoàn cử đi tham gia thi vòng tỉnh.

- Tổ chức các buổi tuyên truyền về Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ chính trị về “ Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và chương trình hành động số 33- CTTr/TWĐTN –BTG ngày 18/10/2015 của BCH TW Đoàn thực hiện chỉ thị số 42- CT/TW của Ban bí thư trung ương Đảng về “

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ gia đoạn 2015 - 2030” qua các buổi sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt chi đoàn. Phát động đoàn viên, thanh niên tham gia thi trực tuyến “Tuổi trẻ học tập, làm theo TGDĐ HCM”, kết quả : 683 lượt học sinh tham gia. Tổ chức chuyên đề ngoại khóa về “ Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, với hình thức lồng ghép nội dung vào chương trình hoạt động ngoài giờ lên lớp. Tổ chức các buổi tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, các chủ trương Chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của ngành Giáo Dục - Đào tạo, của Đoàn rộng khắp trong học sinh. Kết quả đã tổ chức được hơn 2 cuộc với gần 1400 lượt ĐVTN tham gia.

- Tổ chức diễn đàn “ Xây dựng tình bạn đẹp – nói không với bạo lực học đường”, với 750 Đoàn viên, thanh niên tham gia, góp phần nâng cao ý thức của học sinh về vấn đề bạo lực học đường.

- Thường xuyên phối kết hợp với các cơ quan chức năng, các bộ phận có liên quan trong công tác giáo dục Pháp luật (An toàn giao thông đường bộ, PCCC, ma túy, đốt pháo.....) cho đoàn viên, học sinh. Kết quả tổ chức được 02 buổi tuyên truyền, thu hút hơn 1400 lượt học sinh tham gia.

- Phối hợp với Chi cục DS-KHHGD tỉnh tổ chức tuyên truyền Luật bình đẳng giới cho trên 150 đoàn viên, thanh niên nhà trường.

- Tổ chức cho Đoàn viên thanh niên tham gia cuộc thi trên mạng internet:

- + Thi ATGT trên mạng do Tỉnh đoàn, TW Đoàn phát động, với 2800 HS tham gia.

- + Tìm hiểu nội qui trường THPT Tân Đông, các qui định thi đua giữa các chi đoàn năm học 2023-2024, có 1015 học sinh/1015 lượt tham gia.

- + Tham gia Cuộc thi ATGT cho nụ cười ngày mai năm học 2023 -2024 do Bộ GD&ĐT phát động, có 21 học sinh tham gia bài thi viết.

- + Xây dựng và tổ chức thành công chương trình văn nghệ mừng Đảng – mừng Xuân 2024, kết hợp trao quà tết cho HS trị giá 12,5 triệu đồng.

- + Kết hợp với tổ tiếng anh phát động học sinh tham gia Cuộc thi “Sân chơi chinh phục Tiếng anh English Beat” năm 2023, kết quả vòng tuần có 1 em đạt giải ba, 02 em đạt giải khuyến khích được cấp Giấy chứng nhận và khen thưởng.

- + Tổ chức cho HS tham gia cuộc thi sáng kiến phòng, chống bạo lực học đường và clip “Chiến sĩ sao vương làm theo lời Bác” do Bộ GD&ĐT phát động. Kết quả : có 2 bài thi về sáng kiến phòng, chống bạo lực học đường được ngành khen thưởng.

- + BCH Đoàn trường hoàn thành tốt việc vận động đạt chỉ tiêu làm lồng đèn do Huyện Đoàn Tân Châu giao năm 2023 – số lượng 60 lồng đèn (trị giá 600.000 đồng).

- + Tham gia thi tin học trẻ huyện Tân Châu đạt 01 giải khuyến khích.

- + Cử 200 đoàn viên, giáo viên tham gia hưởng ứng ngày chạy olimpic do xã Tân Đông tổ chức.

- + Cử 10 đoàn viên thanh niên tham gia Hội trại tòng quân 2024 tại Huyện Tân Châu

+ Cử 12 đoàn viên thanh niên tham gia hỗ trợ phát quà thiện nguyện tại xã Tân Đông

+ Cử 07 đoàn viên thanh niên hỗ trợ xã Tân Đông tham gia Hội thi ATGT tại xã Tân Hội.

+ Thực hiện công trình thanh niên trồng và chăm sóc bồn bông trước cổng trường, trị giá 2,0 triệu đồng; 6 chi đoàn khối 12 đóng góp kinh phí tặng trường 01 chậu kiểng trị giá 6 triệu đồng.

+ Tổ chức ngày hội ẩm thực trích quỹ học bổng “Tình nghĩa Đoàn”, tặng 08 suất học bổng cho HS có hoàn cảnh khó khăn, trị giá 4,0 triệu đồng. (26/3/2024) ; Phát động học sinh toàn trường quyên góp hỗ trợ em Nguyễn Minh Ánh – 12C1, số tiền 6 triệu đồng).

+ Tặng học bổng “Tiếp sức mùa thi” : 06 suất cho khối 12, trị giá 3 triệu đồng (trích nguồn quỹ tình nghĩa đoàn của Đoàn trường)

+ Cử đoàn viên thanh niên tham gia hiến máu nhân đạo 2 đợt, kết quả có 33 đơn vị máu được hiến.

- Đối với CBVC trong nhà trường: BCH Công đoàn đã vận động CBVC tích cực hưởng ứng tham gia các Cuộc thi do Hội đồng PBGDPL tỉnh, Sở Tư pháp, ngành và trường tổ chức như:

+ Thi tìm hiểu KTPL hàng tháng qua Internet: có 80% CNVC tham gia

+ Thi tìm hiểu ATGT hàng quý: có 90% CBVC tham gia.

+ Cử CBVC tham gia thi nấu ăn do Công đoàn ngành tổ chức; cử đoàn viên công đoàn tham gia hiến máu nhân đạo do Công đoàn ngành tổ chức, kết quả có 02 đơn vị máu được hiến.

+ Cử học sinh tham gia thi thiết kế clip “Thầy cô trong mắt em” do Công đoàn Giáo dục Việt Nam tổ chức, kết quả đạt 1 giải khuyến khích , được vinh danh trong Gala chương trình Những hạt nắng vàng do VTV7 tổ chức phát sóng ngày 27/10/2023.

+ Tham gia giải cầu lông mừng Đảng – mừng Xuân năm Giáp Thìn do Công đoàn ngành tổ chức. Kết quả đạt được: 1 giải nhì (đôi Nam – Nữ), 1 giải ba (đơn Nam).

+ Tham gia cuộc vận động 90 ngày nước rút của CĐN phát động. Kết quả CĐCS được Công đoàn ngành tuyên dương khen thưởng (11/33 đơn vị trong toàn ngành).

+ Tham gia giải bóng chuyền hơi chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3. Kết quả đạt giải khuyến khích cụm huyện Tân Châu.

+ Tham gia Hội thi trưng bày và giới thiệu bánh dân gian do CĐN phát động hưởng ứng Tháng Công nhân, Tháng hành động về An toàn vệ sinh, lao động năm 2024 tại trường CDSP Tây Ninh.

Ngoài ra, trong năm học BCH Công đoàn đã quan tâm tổ chức nhiều hoạt động như tổ chức họp mặt kỷ niệm ngày thành lập trường, các ngày lễ kỷ niệm khác; khen thưởng đoàn viên công đoàn, con em đoàn viên công đoàn; tổ chức thăm, chúc tết các đơn vị biên phòng; phối hợp tặng quà Tết cho CBVC; thăm bệnh; hỗ trợ các hoạt động phong trào hội thao, hội thi....., với tổng kinh phí là 90.000.000đ (làm tròn).

4. Về xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học: Trong năm, nhà trường sử dụng nhiều nguồn kinh phí của trích lập và 15% dạy thêm, học thêm của đơn vị để sửa chữa, duy trì đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ cho công tác giảng dạy, cụ thể:

- Láng xi măng 2 bên cổng rào trường (phía trước): 72.000.000đ (làm tròn).
- + Lắp đặt 12 màn che nắng trước các phòng học: 43.000.000đ (làm tròn).
- Ở HK1: Lắp đặt 2 tivi 55 inch cho lớp học: 34.000.000đ (làm tròn). Ở HK2: Lắp đặt 5 tivi 55 inch cho 01 lớp 11 và 4 lớp 10: 84.500.000đ
- Nâng cấp sân bóng chuyền và láng nền, nới rộng nhà xe giáo viên: 98.000.000đ
- Lắp đặt 01 máy lạnh 1,5HP phòng khảo thí: 14.950.000đ

5. Công tác xây dựng Quỹ khuyến học: 107.722.817đ, trong đó:

- Số tồn năm trước: 36.180.817đ
- Số vận động 2 đợt trong năm (HK1 và HK2): 71.542.000đ (Vận động CMHS trong 2 kỳ họp CMHS: 62.050.000đ; Vận động CBGVNV ủng hộ 01 ngày lương: 9.492.000đ)

6. Công tác xét cấp học bổng: tổng số tiền cấp phát học bổng trong năm học 2023-2024 là **66.500.000đ**. Cụ thể:

- Trong ngày lễ khai giảng năm học 2023-2024, đã cấp học bổng cho học sinh nghèo đầu năm 30 suất: với tổng số tiền là 15.000.000đ

- + Hdbank Tân Châu: 4 suất (500.000đ/1 suất)
- + Viettin Tân Đông: 6 suất (500.000đ/1 suất)
- + PHHS lớp 12C3: 6 suất (500.000đ/1 suất)
- + VNPT Tân Châu: 1 suất (500.000đ/1 suất)
- + Quỹ Khuyến học trường: 13 suất (500.000đ/1 suất).

- Trong ngày 20/11/2023, tặng 6 suất học bổng, với kinh phí là 3.000.000đ (do nguyên Hiệu trưởng trường THPT Tân Đông trao tặng).

- Cty Mobiphone Tây Ninh trao tặng 10 triệu, trong đó tài trợ 5 triệu tiền phần mềm quản lý và tặng 10 suất học bổng, mỗi suất 500.000đ

- Nhà xuất bản giáo dục Miền nam tặng 1 suất học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn với số tiền là 2.000.000đ.

- Trong ngày lễ sơ kết học kỳ 1:

- + 01 Mạnh thường quân khối 11 tặng 20 suất học bổng cho học sinh nghèo, vượt khó với kinh phí là 10 triệu đồng (mỗi suất 500.000đ).

- + Quỹ khuyến học trường tặng 26 suất học bổng trị giá 13.000.000đ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn (mỗi suất 500.000đ) tặng trong ngày sơ kết học kỳ 1.

- Trong ngày 26/3: BCH Đoàn đã trao tặng 8 suất trích từ quỹ học bổng “Tình nghĩa Đoàn”, với số tiền là 4.000.000đ.

- Trong ngày lễ tổng kết năm học:

+ Hội Khuyến học trường tặng 13 suất học bổng cho học sinh khối 12 có hoàn cảnh khó khăn, vượt khó cho học sinh khối 12, trị giá 6.500.000đ.

+ Đoàn trường tặng 06 suất học bổng “Tiếp sức mùa thi” cho khối 12, trị giá 3.000.000 đồng (trích nguồn quỹ tình nghĩa đoàn của Đoàn trường).

7. Kết quả các danh hiệu tập thể, cá nhân năm học 2023-2024

- Tập thể trường: đạt danh hiệu tập thể LĐTT

- BCH Công đoàn: đạt HTTNV

- BCH Đoàn trường: VMXS

- Tập thể tổ: 02 tổ đạt tập thể LĐXS; 02 tổ đạt tập thể LĐTT

- Về danh hiệu thi đua cá nhân:

+ Đề nghị Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen: 01

+ Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen: 02

+ Chiến sĩ thi đua cơ sở: 9

+ Lao động tiên tiến: 26

+ Giấy khen Giám đốc Sở GDĐT: 10

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Lê Minh Quốc